

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2015/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 27 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ
môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 23/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 47/2006/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 22/2012/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 651/TTr-STNMT ngày 06 tháng 4 năm 2015 và thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 94/BC-STP ngày 02 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện ven biển, hải đảo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quân Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các Sở, Ban ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND các huyện ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.
2. Nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, Ban ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND các huyện ven biển, hải đảo; tăng cường hiệu quả công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;
3. Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, bảo đảm bền vững.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, liên ngành, liên vùng; bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.
2. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan. Các nội dung phối hợp khác để thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải đảm bảo bí mật quốc gia, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật; bảo đảm quốc phòng - an ninh, an toàn trên biển, hải đảo.
4. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển, hải đảo và các hoạt động hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trên các vùng biển và hải đảo của tỉnh Quảng Trị.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Dự thảo, tham mưu UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

c) Theo dõi, kiểm tra việc thực thi pháp luật, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

b) Xây dựng, tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quản lý thống nhất hoạt động điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo

a) Lập và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

b) Quản lý việc thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

c) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu cấp tỉnh về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình kết quả điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý của các ngành và địa phương.

4. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển, hải đảo

a) Nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý, khắc phục hậu quả ô nhiễm, suy thoái môi trường, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường biển, hải đảo; ứng phó sự cố môi trường, thiên tai trên vùng biển, ven biển, hải đảo của tỉnh.

c) Theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên vùng biển, ven biển và hải đảo.

d) Quan trắc biến động, đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động bờ biển và cửa sông.

5. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng, chống thiên tai trên vùng biển, ven biển và hải đảo của tỉnh.

b) Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

6. Hợp tác quốc tế và trong nước về lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Điều tra, nghiên cứu tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển;

b) Xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường biển, hải đảo và ứng phó sự cố tràn dầu, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, HẢI ĐẢO

Điều 5. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Tham mưu lập dự kiến Chương trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Kiểm tra, rà soát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm

a) Thẩm định theo thẩm quyền đối với văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường biển, hải đảo thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; theo dõi việc thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Các Sở, Ban ngành liên quan có trách nhiệm

a) Tham gia ý kiến đối với văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo tại địa phương.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh; đề xuất, kiến nghị các cấp về sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

4. UBND các huyện ven biển, hải đảo có trách nhiệm

a) Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trong phạm vi được giao quản lý.

b) Đề xuất, kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường việc tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

c) Tổng kết và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển tại địa phương.

Điều 6. Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

b) Xây dựng, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo định kỳ 06 tháng/lần.

d) Là đầu mối tham mưu giúp UBND tỉnh trong việc cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu và báo cáo định kỳ hàng năm về tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 11, Điều 6 Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng.

2. Các Sở, Ban ngành liên quan có trách nhiệm chung

a) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu theo quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này.

b) Tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển của tỉnh.

c) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

d) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trong phạm vi, lĩnh vực được giao quản lý và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo các cấp theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu tổng hợp về bảo tồn đa dạng sinh học biển, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; thông tin, số liệu về quy hoạch và hiện trạng khai thác, nuôi trồng thủy hải sản, các làng nghề vùng ven biển; thực trạng và định hướng phát triển đê biển, hệ thống cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

4. Sở Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển hệ thống cảng biển, luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa, hệ thống giao thông đường bộ ven biển.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng, định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển, hải đảo và các thông tin, số liệu liên quan khác theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Sở Xây dựng cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu đô thị, các công trình xây dựng ven biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu du lịch, điểm du lịch biển; thông tin, số liệu về bảo vệ, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản thiên nhiên quốc gia, các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh của các vùng biển, ven biển, hải đảo.

8. Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình và định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thông tin, số liệu về dầu khí, chế biến khoáng sản ở vùng ven biển.

9. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu về vùng cấm khai thác, khu vực hạn chế hoạt động, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng - an ninh.

10. Sở Ngoại vụ cung cấp các thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hoạt động đối ngoại và các điều ước, thỏa thuận quốc tế Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có liên quan đến việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của tỉnh.

11. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng, định hướng phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp ở vùng ven biển và doanh nghiệp đang hoạt động trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

12. UBND các huyện ven biển, hải đảo có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thông tin, số liệu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình quản lý, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển, hải đảo thuộc phạm vi địa phương quản lý.

b) Thông tin, số liệu khu vực đầm phá, bãi bồi, vùng bờ biển xói lở, đất ngập nước, khu vực cần bảo tồn hệ sinh thái vùng biển thuộc phạm vi địa phương quản lý.

c) Các định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển và các giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển tại địa phương.

d) Tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển của tỉnh.

đ) Phối hợp thực hiện quy hoạch, kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo các cấp, ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quản lý hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Chủ trì lập và trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

b) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cấp tỉnh về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; tiếp nhận và quản lý các thông tin, số liệu và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp theo quy định của pháp luật.

c) Thẩm định, tham gia thẩm định các chương trình, dự án điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo của các Sở, Ban ngành và UBND các huyện ven biển, hải đảo theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với các Sở, Ban ngành và UBND các huyện ven biển, hải đảo theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển hoặc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển trên địa bàn tỉnh theo phân cấp.

đ) Tham mưu UBND tỉnh cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên vùng ven biển do mình thực hiện; thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường vùng ven biển.

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển do địa phương thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, Ban ngành có trách nhiệm chung

a) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu, bản đồ về thực trạng hoạt động điều tra cơ bản và tình hình quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo trong lĩnh vực được giao quản lý theo quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định các chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo thuộc lĩnh vực được giao quản lý.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo do mình quản lý.

đ) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về kết quả điều tra cơ bản tài nguyên biển do mình quản lý hoặc thực hiện và chuyển giao cơ sở dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để quản lý, đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo trong lĩnh vực được giao quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên sinh vật biển, hải đảo; kết quả quan trắc môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản hoặc các chương trình quan trắc khác do đơn vị thực hiện.

4. Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý và nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên dầu khí.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản di tích lịch sử văn hóa, các khu du lịch, điểm du lịch và cảnh quan sinh thái biển, hải đảo.

6. Sở Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên vị thế phục vụ cho phát triển hệ thống cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên biển, kết quả quan trắc môi trường biển do mình thực hiện; thông tin, số liệu về tình hình an ninh, trật tự, an toàn trên biển, hải đảo.

8. Sở Ngoại vụ cung cấp thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hoạt động đối ngoại liên quan đến việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của tỉnh.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng biển gắn với nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; các thông tin, số liệu thống kê có liên quan khác theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

10. Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp các thông tin, cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong lĩnh vực điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo và các kết quả nghiên cứu khoa học khác liên quan đến lĩnh vực biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

11. UBND các huyện ven biển, đảo có trách nhiệm

a) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên vùng ven biển, đảo do mình thực hiện; thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường vùng ven biển, hải đảo.

b) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo do địa phương thực hiện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Tổ chức nghiên cứu, điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ hiện trạng ô nhiễm biển, hải đảo trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Tổ chức đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động; xác định nguyên nhân gây ô nhiễm; xác định, khoanh vùng đệm để bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương.

c) Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, giám sát môi trường, cảnh báo thiên tai trên biển, hải đảo.

d) Tổ chức hoạt động theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo; xây dựng chiến lược, kế hoạch hành động thích ứng với mực nước biển dâng; phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và địa phương ven biển ứng phó kịp thời, khắc phục có hiệu quả các sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo.

đ) Cung cấp các thông tin thu thập được từ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường, cảnh báo thiên tai trên biển, hải đảo cho các Sở, Ban ngành và địa phương ven biển phục vụ công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai trên biển và hải đảo.

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

g) Hướng dẫn UBND các huyện ven biển, hải đảo thực hiện các quy định về quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

h) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình bảo vệ môi trường biển, hải đảo; việc thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm biển, đảo, ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo của tỉnh.

2. Các Sở, Ban ngành có trách nhiệm chung

a) Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình tác động môi trường, tình hình quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo của ngành, lĩnh vực theo quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

c) Chỉ đạo các lực lượng chuyên trách tham gia kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

d) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình công tác thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai và bảo vệ môi trường biển trong lĩnh vực quản lý của mình và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động khai thác, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản; cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền.

4. Sở Giao thông vận tải cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động của cảng biển, luồng hàng hải và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển.

5. Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu trong thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí; trong hoạt động của cụm, điểm công nghiệp ven biển.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động của các khu công nghiệp, khu kinh tế vùng ven biển;

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

8. Sở Xây dựng cung cấp các thông tin, số liệu đối với khu đô thị, công trình xây dựng ven biển, hải đảo.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu đối với khu và điểm văn hóa, thể thao, du lịch biển, ven biển và hải đảo.

10. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng chức năng trực thuộc phối hợp kiểm tra ô nhiễm môi trường vùng ven biển, hải đảo; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường vùng ven biển, hải đảo.

11. Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, thiên tai trên biển, hải đảo; chỉ đạo theo thẩm quyền các lực lượng chuyên trách thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu, thiên tai trên biển (nếu có).

12. UBND các huyện ven biển, hải đảo có trách nhiệm

a) Phát hiện và báo cáo kịp thời về các sự cố môi trường biển xảy ra trên phạm vi do địa phương quản lý; cung cấp số liệu quan trắc môi trường biển, hải đảo do mình thực hiện (nếu có).

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ban ngành liên quan trong việc điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo trong phạm vi quản lý của địa phương.

c) Tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cùng với các Sở, Ban ngành huy động các nguồn lực để ngăn chặn, ứng phó các sự cố môi trường biển, hải đảo; giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật.

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo; tình hình và dự báo xu thế biến động bờ biển thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển và hải đảo;

b) Hỗ trợ, trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu cho các Sở, Ban ngành và UBND các huyện ven biển, hải đảo để phục vụ công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển, hải đảo.

c) Phối hợp với các Sở, Ban ngành và địa phương ven biển, hải đảo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

d) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để định hướng tuyên truyền; phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các Hội, đoàn thể tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

2. Các Sở, Ban ngành có trách nhiệm

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn về phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, hải đảo.

b) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí, cơ quan thông

tin đại chúng, các trang thông tin điện tử, đặc san, bản tin của các cơ quan trên địa bàn tỉnh dành thời lượng, dung lượng đăng, phát các bài viết, chuyên mục, phóng sự để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo. Thường xuyên phát sóng trên hệ thống truyền thanh cơ sở.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn các chủ đề về biển, hải đảo để tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật thông qua các buổi diễn thuyết, nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu về biển, hải đảo quê hương cho các đối tượng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên.

d) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Trị có trách nhiệm bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

e) Các Sở, Ban ngành liên quan có trách nhiệm hưởng ứng các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực biển, hải đảo; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo liên quan đến nội dung quản lý của ngành.

3. UBND các huyện ven biển, hải đảo có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo trên địa bàn địa phương.

b) Chỉ đạo cơ quan phát thanh địa phương bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; các sự kiện văn hóa của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

c) Địa phương ven biển được chọn làm nơi tổ chức Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các sự kiện của Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam; bố trí địa điểm, nguồn lực tổ chức sự kiện và bảo đảm an ninh, an toàn trật tự trong thời gian diễn ra Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam.

Điều 10. Hợp tác về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác trong và ngoài nước để quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển, đảo; thăm dò tài nguyên, phát triển khoa học - công nghệ biển; phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển, hải đảo.

b) Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện các chương trình, dự án hợp tác trong và ngoài nước về các lĩnh vực liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo của các Sở, Ban ngành báo cáo UBND tỉnh.

2. Các Sở, Ban ngành có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình dự án hợp tác trong nước và quốc tế liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo do đơn vị mình quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình UBND tỉnh.

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế về lĩnh vực bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản; khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và sản xuất muối; phát triển và bảo vệ hệ thống rừng ngập mặn, các công trình đê, kè biển và nhu cầu đầu tư xây dựng khác.

b) Sở Giao thông vận tải báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực hàng hải.

c) Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.

d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn di sản biển, hoạt động du lịch biển, đảo và các lĩnh vực khác có liên quan.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong việc phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

e) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong việc phát triển khu kinh tế và các khu công nghiệp ven biển.

g) Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội vùng ven biển, quy hoạch phát triển các đô thị ven biển và hải đảo;

h) Các cơ quan, tổ chức khác quản lý hoặc chủ trì thực hiện các chương trình, dự án điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, đảo trên địa bàn tỉnh bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả và nhu cầu hợp tác trong và ngoài nước về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo do mình thực hiện.

3. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm phối hợp với các Sở, Ban ngành và địa phương tăng cường hỗ trợ quảng bá, kêu gọi, vận động các tổ chức quốc tế, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

4. UBND các huyện ven biển, hải đảo có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác trong nước, quốc tế về lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý của địa phương và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các Sở, Ban ngành có trách nhiệm cử cơ quan đầu mối phối hợp và gửi thông báo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc, không phù hợp thì các cơ quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế, các tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để UBND tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quân Chính